

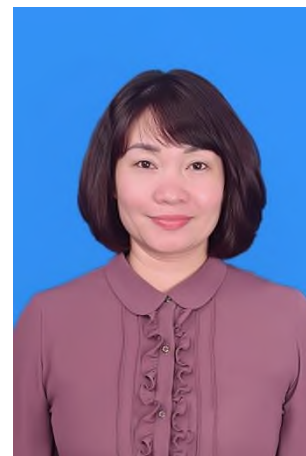
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU
CHUẨN**

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THỊ THU CÚC**

2. Ngày tháng năm sinh: 19/10/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Hưng Châu, Hưng Nguyên, Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 9, khối Trung Hợp, Phường Hưng Dũng, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An.

6. Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Thị Thu Cúc, Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại di động: 0932.341.888;

E-mail: cucntt@vinhuni.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 3/2003 – 9/2009:	Giảng viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh.
- Từ tháng 9/2009 – 9/2012:	Giảng viên, Trưởng Bộ môn Tài chính – Ngân hàng, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh.
- Từ tháng 9/2012 – 6/2017:	Giảng viên, Phó trưởng khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh.

- Từ tháng 6/2017-7/2021:	Giảng viên, Trưởng khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh.
- Từ tháng 7/2021- đến nay:	Giảng viên, Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Vinh.

Chức vụ hiện nay: Phó hiệu trưởng.

Chức vụ cao nhất: Phó hiệu trưởng.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Vinh

Địa chỉ cơ quan: Số 182 - Lê Duẩn - thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại cơ quan: 02383.855.452 (máy lẻ 888).

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH năm 2000, ngành: Tài chính, tín dụng và lưu thông tiền tệ;

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Tài chính kế toán Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS năm 2006, ngành: Tài chính tín dụng; Nơi cấp bằng

ThS: Học viện Tài chính, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS năm 2016, ngành: Tài chính tín dụng; Nơi cấp bằng

TS: Học viện Tài chính, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Vinh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Chuyên ngành nghiên cứu là Tài chính ngân hàng với các hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

- **Thị trường dịch vụ tài chính:** Hành vi chuyển đổi trong sử dụng các dịch vụ tài chính của khách hàng; Tính hiệu quả trong quản lý dịch vụ tài chính.

- **Tài chính doanh nghiệp:** Tác động của các yếu tố kinh tế xã hội đến quản lý tài chính; Hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Kinh tế tài chính vĩ mô:** Tác động của các chính sách kinh tế đến tăng trưởng và phát triển kinh tế; Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính công.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **12** học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ;

- Đã hoàn thành **06** đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp Cơ sở, cụ thể:
 - + Chủ nhiệm **01** nhánh đề tài NCKH cấp Nhà nước, đã hoàn thành nghiệm thu (2020), xếp loại Tốt;
 - + Chủ nhiệm **02** đề tài NCKH cấp cơ sở đã hoàn thành nghiệm thu (2014/2018), đạt loại Tốt/Đạt;
 - + Thư ký **01** đề tài NCKH cấp Tỉnh, thành viên **01** đề tài NCKH cấp Bộ, thành viên **01** đề tài NCKH cấp tỉnh đã hoàn thành nghiệm thu.

- Đã công bố (số lượng) **54** bài báo khoa học, trong đó **11** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản: **06** đầu sách và giáo trình tại các Nhà xuất bản uy tín trong nước có chỉ số ISBN (NXB ĐH Kinh tế quốc dân, NXB Tài chính, NXB Chính trị quốc gia, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, NXB Đại học Vinh);

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2013, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An năm 2018, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm 2018, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở từ năm 2010 – 2017 và năm 2019, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020.

Kết quả xếp loại và khen thưởng của cá nhân trong 3 năm gần nhất
Năm 2018

- + Xếp loại cán bộ, lãnh đạo quản lý: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- + Xếp loại đảng viên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Năm 2019

- + Xếp loại cán bộ, lãnh đạo quản lý: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- + Xếp loại đảng viên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Năm 2020

- + Xếp loại cán bộ, lãnh đạo quản lý: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- + Xếp loại đảng viên: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Căn cứ Luật giáo dục (2019), Luật Giáo dục Đại học (2012), Luật Giáo sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 19/11/2018, Thông tư 47/2014/TT-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ

GD&ĐT về Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học, tôi xin tự đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn và mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- Bản thân tự đánh giá đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của nhà giáo, cụ thể là:
 - + Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;
 - + Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ;
 - + Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
 - + Lý lịch bản thân rõ ràng;
 - Bản thân cũng tự đánh giá thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo, cụ thể là:
 - + Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục;
 - + Số giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học luôn đạt và vượt định mức theo quy định trong suốt 18 năm qua tại Trường Đại học Vinh;
 - + gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và Điều lệ nhà trường;
 - + Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo;
 - + Tôn trọng nhân cách, đối xử công bằng, bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người học;
 - + Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học.
2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:
- Tổng số: 18 năm.
 - Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014	0	0	0	5	375	0	375/572,5/63
2	2014-2015	0	0	0	15	407	0	407/548,2/210
3	2015-2016	0	0	0	23	318	45	363/455,85/202,5

4	2016-2017	0	0	4	25	232	0	232/266,2/49,1
5	2017-2018	0	0	3	11	80	0	80/99,35/56,7
03 năm học cuối								
6	2018-2019	0	0	6	8	110	45	155/203,6/167
7	2019-2020	0	0	6	0	0	330	330/418,15/189
8	2020-2021	0	0	9	0	0	180	180/230,64/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: Không.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Cử nhân Tiếng Anh, Trường Đại học Vinh; số hiệu: 191284; số vào sổ cấp bằng: 6/51E1-DHV; năm cấp: 2012.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: Không.

d) Đối tượng khác: Không.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 Châu Âu: số hiệu TA-B2/0005316, số vào sổ cấp chứng chỉ: 2016/815/QĐ-ĐHV/11.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thanh Quế		HVCH	X		2016-2017	Trường Đại học Vinh	12/09/2017
2	Hà Văn Nam		HVCH	X		2016-2017	Trường Đại học Vinh	12/09/2017
3	Nguyễn Đình Hưng		HVCH	X		2016-2017	Trường Đại học Vinh	12/09/2017
4	Ngô Xuân Ninh		HVCH	X		2017-2018	Trường Đại học Vinh	05/10/2018
5	Nguyễn Thanh Huyền		HVCH	X		2017-2018	Trường Đại học Vinh	05/10/2018
6	Nguyễn Việt Hưng		HVCH	X		2017-2018	Trường Đại học Vinh	05/10/2018
7	Trần Thị Bình		HVCH	X		2018-2019	Trường Đại học Vinh	30/8/2019
8	Nguyễn Thị Cẩm Châu		HVCH	X		2018-2019	Trường Đại học Vinh	27/9/2019
9	Đình Xuân Tiến		HVCH	X		2018-2019	Trường Đại học Vinh	30/8/2019
10	Nguyễn Ngọc Đức		HVCH	X		2019-2020	Trường Đại học Vinh	15/09/2020
11	Trần Thị Hồng Minh		HVCH	X		2019-2020	Trường Đại học Vinh	15/09/2020
12	Nguyễn Ngọc Vệ		HVCH	X		2019-2020	Trường Đại học Vinh	15/09/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	<i>Những vấn đề cơ bản và bài tập tài chính doanh nghiệp</i>	CK	NXB Tài chính, 2016	2	Đặng Thành Cương, Nguyễn Thị Thu Cúc	Chương 1 đến chương 4 (trang 3-53).	Văn bản xác nhận mục đích sử dụng sách số 835a/ĐHV-ĐT.
2	<i>Chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư trong thu hồi đất ở Nghệ An</i>	TK	NXB Chính trị Quốc gia và năm xuất bản, 2018	04	Nguyễn Thị Minh Phượng	Chương 3 (trang 165-206).	Văn bản xác nhận mục đích sử dụng sách số 835a/ĐHV-ĐT.
3	<i>Phát triển các sản phẩm hàng hóa đặc trưng phục vụ du lịch: Lý luận và thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình</i>	TK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội và năm xuất bản, 2020	06	Nguyễn Thị Minh Phượng	Chương 3 (trang 129-189)	Văn bản xác nhận mục đích sử dụng sách số 835a/ĐHV-ĐT.
4	<i>Đa dạng hóa nguồn tài chính của</i>	TK	NXB Đại học Vinh, 2020	10	Nguyễn Hoài Nam	Chương 2 (trang 75-166).	Văn bản xác nhận mục đích sử dụng sách số 835a/ĐHV-

	<i>trường đại học công lập</i>						ĐT.
5	<i>Nghiên cứu hành vi gian lận trên thị trường chứng khoán Việt Nam</i>	CK	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2021	2	Nguyễn Thị Thu Cúc, Nguyễn Thị Bích Thủy	Chương 1 (trang 18-123); Chương 2 (trang 124-157)	Văn bản xác nhận mục đích sử dụng sách số 835a/ĐHV-ĐT.
6	<i>Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ</i>	GT	NXB Đại học Vinh, 2021	8	Nguyễn Thị Thu Cúc	Chương 1 (trang 9-64)	Văn bản xác nhận mục đích sử dụng sách số 835a/ĐHV-ĐT.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	<i>Phát triển các hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i>	TV	Mã số: B2008-27-57/ Đề tài cấp Bộ	2008-2010	Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ ngày 11/08/2010/Loại Khá.
2	<i>Đánh giá chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư đối với một số dự án đặc thù trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i>	TK	Mã số: 1568/TL – SKHCN/ Đề tài cấp tỉnh/UBND tỉnh Nghệ An	T12/2012-T6/2014	Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh ngày 12/06/2014/Loại Khá.
3	<i>Nâng cao hiệu quả</i>	CN	Mã số: T2014-24/	01/01/2014	Biên bản họp hội

	<i>quản lý chỉ tiêu công ở tỉnh Nghệ An</i>		Đề tài cấp trường/Trường Đại học Vinh	- 10/12/2014	đồng đánh giá nghiệm thu ngày 08/12/2014/Loại Tốt.
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
4	<i>Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức “Kiến thức tài chính – Tiền tệ” theo tiếp cận CDIO.</i>	CN	Mã số: T2018-69TD/Đề tài trọng điểm cấp trường/Trường đại học Vinh	T01/2018 - T12/2018	Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ trọng điểm cấp trường ngày 18/7/2019/ Xếp loại: Đạt
5	<i>Nghiên cứu phát triển các sản phẩm hàng hóa giá trị cao phục vụ du lịch tỉnh Quảng Bình</i>	TV	Mã số: 08/QĐ-SKHCN-CN	T7/2018-T12/2019	Quyết định về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh ngày 15/07/2020 /Xếp loại: Đạt.
6	<i>Kinh nghiệm quốc tế về việc hình thành và phát triển tổ chức trung gian khoa học và công nghệ và bài học cho Việt Nam</i>	CN	Mã số: TTKHCN.ĐT01-20/Đề tài nhánh thuộc Đề tài KH&CN cấp Quốc gia /TTKHCN.ĐT.01-20	T3/2020-T12/2020	Biên bản họp hội đồng nghiệm thu đề tài nhánh thuộc đề tài KH&CN cấp Quốc gia tháng 12 năm 2020/Loại Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Đào tạo nguồn nhân lực tài chính – ngân hàng theo nhu cầu xã hội – những vấn đề đặt ra	2		<i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Đào tạo nguồn nhân lực ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng đáp ứng nhu cầu xã hội”</i>			Tháng 12, Trang 74 - 79	2008
2	Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận dịch vụ cho thuê tài chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An như thế nào	1	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán</i>			Số 5 (82), trang 65 - 66.	2010
3	Đánh giá khả năng tiếp cận nguồn vốn của các doanh nghiệp trên địa bàn Nghệ An từ góc nhìn của các tổ	1	X	<i>Kỷ yếu hội thảo khoa học “Môi trường đầu tư ở Nghệ An – Thực trạng và giải pháp”</i>			Tháng 2, Trang 31- 39	2011

	chức tín dụng							
4	Thu hút đầu tư ở Nghệ An: Thực trạng và giải pháp.	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế & phát triển</i> (ISSN: 1859-0012)			Tháng 2, trang 26 - 32.	2011
5	Đánh giá khả năng tiếp cận vốn của các tổ chức tín dụng đối với các doanh nghiệp trên địa bàn Nghệ An	2		<i>Tạp chí Phát triển kinh tế</i> (ISSN: 1859-1116)			Số 245, trang 19- 25.	2011
6	Bàn về mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam	1	X	<i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học</i> “Ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam”			Tháng 4, trang 25 - 31	2012
7	Kinh tế vĩ mô và sự bền vững tài chính của hệ thống ngân hàng	1	X	<i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học</i> “Ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam”			Tháng 4, trang 32 - 36	2012
8	Thông tư 34/2012/TT-BTC: Doanh nghiệp sẽ chủ động trong phát hành trái phiếu	1	X	<i>Tạp chí Tài chính</i> (ISSN: 005-56)			Số 5 (571), trang 45 - 46.	2012
9	Mở lối cho dòng vốn	1	X	<i>Tạp chí Tài chính và Đầu tư</i> (ISSN: 005-65)			Số 88, trang 17-	2012

							18	
10	Nghị định 71/2013/NĐ-CP: Siết chặt quản lý đầu tư, sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	1	X	<i>Tạp chí Tài chính</i> (ISSN: 005-56)			Số 08 (586), trang 36-38	2013
11	Nợ xấu được giấu kỹ	1	X	<i>Tạp chí Tài chính và Đầu tư</i> (ISSN: 005-56)			Số 98, trang 19 - 20	2013
12	Phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ. Thực trạng và một số đề xuất	1	X	<i>Tạp chí Tài chính</i> (ISSN: 005-56)			Số 03 (581), trang 6-8	2013
13	Một số biện pháp rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành tài chính - ngân hàng tại khoa Kinh tế - Trường Đại học Vinh	1	X	<i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo các ngành kinh tế đáp ứng nhu cầu xã hội”</i>			Tháng 2, trang 42 - 45	2013
14	Hoàn thiện khung pháp lý	1	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán</i>			Số 11 (136),	2014

	cho công tác quản lý nợ xấu tại các ngân hàng thương mại			(ISSN: 1859-4093)			trang 48 - 64	
15	Nghịch lý “kẻ thừa, người thiếu”	1	X	<i>Tạp chí Tài chính và Đầu tư</i> (ISSN: 005-56)			Số 105, trang 21 - 22	2014
16	Nghị định 39/2014/NĐ-CP: đảm bảo an toàn cho thị trường tài chính - tiền tệ	1	X	<i>Tạp chí Tài chính</i>			Số 6 (596), trang 33-34	2014
17	Nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách: nhìn từ thực tiễn tại tỉnh Nghệ An	1	X	<i>Tạp chí Tài chính</i>			Số 11 (601), trang 66-68	2014
18	Kinh nghiệm xử lý nợ xấu của Hàn Quốc và Thái Lan trong khủng hoảng tài chính – tiền tệ năm 1997	1	X	<i>Tạp chí Kinh tế và Dự báo</i> (ISSN: 0866-7120)			Số 02, trang 42 - 44	2015
19	Xử lý nợ xấu năm 2015: thách thức từ con số 3%	1	X	<i>Tạp chí Thuế nhà nước</i> (ISSN: 1859-0756)			Số 5 (519), trang 18 - 19	2015

20	Quy định mới về đại lý giám sát hải quan giữa Việt Nam – Trung Quốc	1	X	<i>Tạp chí Tài chính</i> (ISSN: 005-56)			Số 610, trang 35 - 36	2015
21	Nợ xấu ngân hàng: góc nhìn từ ngân hàng Agribank	1	X	<i>Tạp chí Tài chính</i> (ISSN: 005-56)			Số 613, trang 32 - 34	2015
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
22	Quy định mới về kinh doanh hàng miễn thuế	1	X	<i>Tạp chí Tài chính</i> (ISSN: 005-56)			Số 640, trang 38 - 39	2016
23	Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công	1	X	<i>Tạp chí Tài chính</i> (ISSN: 005-56)			Số 641, trang 5 - 7	2016
24	Huy động nguồn lực của người dân cho xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn tại thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An: thực trạng và một vài gợi ý chính sách	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương</i> (ISSN: 0868-3808)			Số 497, trang 33 - 35	2017

25	Vai trò và cơ chế quản trị doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại	1	X	<i>Tạp chí Tài chính</i> (ISSN: 005-56)			Số 666, trang 58 - 60	2017
26	Phát triển doanh nghiệp tư nhân tại Nghệ An: Nhìn từ góc độ tiếp cận vốn vay để phát triển sản xuất – kinh doanh	1	X	<i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Phát triển kinh tế tư nhân ở khu vực Bắc Trung Bộ”/ISBN 978-604-923-387-4</i>			Tháng 3, trang 40 - 46	2018
27	Huy động vốn đầu tư phát triển hạ tầng giao thông ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra	2	X	<i>Tạp chí kinh tế và phát triển</i> (ISSN: 1859-0012)			Số 251, trang 60 - 65	2018
28	Giải pháp tài chính cho xây dựng nông thôn mới tại huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	2	X	<i>Tạp chí Tài chính</i> (ISSN: 2615-8973)			Số 683, trang 86 - 88	2018
29	Developing Tea Market through	3		<i>PSAKU International Journal of Interdisciplinary Research (eISSN: 2730-</i>		1	7 (2), pp. 189-195	2018

	Analyzing the Value Chain of Vietnam Tea Industry			3632)				
30	The research of relevance among Economic growth, unemployment, external debt and national expenditure in Viet Nam	4		<i>International Conference on Humanities and Social Sciences 2019 (IC-HUSO 2019)</i>			November 2019, pp. 848-859	2019
31	Research the prospects of applying green economy in Nghe An	4		<i>International Conference on Humanities and Social Sciences 2019 (IC-HUSO 2019)</i>			November 2019, pp. 860-871	2019
32	Capital structure and financial efficiency: Evidence from Ho Chi Minh Stock Exchange of Vietnam	4		<i>Asian Economic and Financial Review/ ISSN: 2222-6737 (online) - ISSN: 2305-2147(Print)</i>	Scopus/ Q3.	2	9 (11), pp. 1255 - 1265	2019
33	Những cơ hội và thách thức	1	X	<i>Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)</i>			Số 705, trang 5 - 7	2019

	đổi với nền kinh tế Việt Nam trong môi trường CPTPP							
34	The Impact of Agricultural Growth on the Rural Development in Vietnam	7	X	<i>AgBioForum/ ISSN: 1522936X</i>	Scopus/Q3		21(3), pp. 48-56	2019
35	The Effects of Risks in Agricultural Supply Chain Management on Business Performance: A Case Study in Vietnam	6	X	<i>AgBioForum/ ISSN: 1522936X</i>	Scopus/Q3	1	21(3), pp. 23-34.	2019
36	Chủ động, tích cực triển khai các giải pháp, chính sách tài chính hiệu quả	1	X	<i>Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)</i>			Số 730, trang 61 - 63	2020
37	Impact efficiency of trade agreements on Vietnam's rice export	10		<i>Management Science Letters/ ISSN: 1923-9343 (Online) – ISSN: 1923-9335 (Print)</i>		3	10 (5), pp. 1085-1094	2020
38	The Impact of	3		<i>Journal of Asian Finance,</i>	ESCI (ISI)	27	7 (3), pp.	2020

	Earnings Quality on Firm Value: The Case of Vietnam			<i>Economics and Business/ ISSN: 2288-4645 (online) – ISSN: 2288-4637 (Print)</i>			63-72	
39	Evaluation of the Employment of Accounting Graduates: The Case of Hanoi, Vietnam	5	X	<i>International Journal of Innovation, Creativity and Change/ ISSN 2201-1323</i>			13 (4), pp. 284-296	2020
40	The impact of opportunity factors leading to fraudulent behavior in VietNam stock market	4		<i>13th Economics & Finance Virtual Conference, Prague/ ISBN 978-80-87927-95-3, ISES/DOI: 10.20472/EFC.2020.013.024.</i>			23 June 2020, pp. 289-307	2020
41	The impact of supply chain linkages on the business performance of the business: a case study in Vietnam	7		<i>KKU International Engineering Conference 2021 - Khon Kaen (KKU-IENC2021)/ ISBN 978-616-438-581-8</i>			May, pp. 63-73.	2021
42	Business environment and labor productivity:	8	X	<i>Accounting/ ISSN 2369-7407 (Online) - ISSN 2369-7393 (Print)</i>			7 (1), pp. 111-118	2021

	The case of the Vietnamese firms						
43	The Impact of Corporate Social Responsibility on Employee Management: A Case Study in Vietnam	4		<i>Journal of Asian Finance, Economics and Business/ ISSN: 2288-4645 (online) – ISSN: 2288-4637 (Print)</i>	ESCI (ISI)	1	8 (4), pp. 1033-1045 2021
44	Tác động của hiệu quả quảng cáo cạnh tranh đến hành vi chuyển đổi trong sử dụng dịch vụ của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	1	X	<i>Tạp chí kinh tế và phát triển/ ISSN 1859-0012</i>			Số 288, Trang 64-73 2021
45	The effects of corporate social responsibility and practices on the performance of SMEs in Vietnam	5		<i>Accounting/ ISSN 2369-7407 (Online) - ISSN 2369-7393 (Print)</i>			7 (7), pp. 1557-1568 2021

46	Evaluation of Accounting Information Quality of Small and Medium-Sized Enterprises: An Empirical Study in Vietnam	2	X	<i>Journal of Asian Finance, Economics and Business/ ISSN: 2288-4645 (online) – ISSN: 2288-4637 (Print)</i>	ESCI (ISI)	8(7), pp. 161-167	2021
47	Study on Financial Capacity in Aquaculture Firms Listed on Vietnam's Stock Market	1	X	<i>Journal of Economics, Finance and Management Studies/ ISSN: 2644-0504 (online) – ISSN: 2644-0490 (Print)</i>		4 (5), pp. 537-544	2021
48	The effect of supply chain linkages on the business performance: Evidence from Vietnam	5	X	<i>Uncertain Supply Chain Management/ ISSN 2291-6830 (Online) - ISSN 2291-6822 (Print)</i>	Scopus /Q2	9 (3), pp. 529-538.	2021
49	Factors influencing the decision to adopt organic agricultural production by farmers in the suburbs	3		<i>Journal of Economics and Development/ ISSN: 2632-5330 (online) – ISSN: 1859-0020 (Print)</i>		Special Issue, pp. 97-112	2021

	of Hanoi							
50	The impact of ODA in constructing road traffic infrastructure on Vietnam's economic growth	5		<i>Journal of Project Management</i>	ESCI(ISI)	1	6 (2021) pp.99–106	2021
51	Cash Flow of Aquaculture Firms Listed on Vietnam's Stock Market	1	X	<i>International Journal of Business, Economics and Law/ ISSN: 2289-1552</i>			24 (4), pp 117-123	2021
52	Internal Factors Affecting Firm Performance: A Case Study in Vietnam	4	X	<i>Journal of Asian Finance, Economics and Business/ ISSN: 2288-4645 (online) – ISSN: 2288-4637 (Print)</i>	ESCI (ISI)		8 (5), pp. 303–314	2021
53	Spatial Impact of Foreign Direct Investment on Poverty Reduction in Vietnam	6		<i>Journal of Risk and Financial Management/ ISSN: 1911-8074</i>	ESCI (ISI)		14 (7), 292	2021
54	The Impact of Brand Equity on Conversion Behavior in the Use	1	X	<i>Journal of Risk and Financial Management/ ISSN: 1911-8074</i>	ESCI (ISI)		14 (8), 346	2021

of Personal Banking Services: Case Study of Commercial Banks in Vietnam							
---	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 6 (Thứ tự trong bảng kê khai là 34, 35, 46, 48, 52, 54).

(1) Dinh Hong Linh, **Nguyen Thi Thu Cuc***, Nguyen Cong Tiep, Nguyen Xuan Diep, Vu Bach Diep, Kwak Busung, Nguyen Nang Hung (2019), The Impact of Agricultural Growth on the Rural Development in Vietnam, *AgBioForum*, 21(3), pp. 48-56, (Scopus/Q3).

(2) Quang Bach Tran, **Thi Thu Cuc Nguyen***, Thi Minh Phuong Nguyen, Dieu Linh Tran, Anh Tuan Nguyen, Quang Tai Dang (2019), The Effects of Risks in Agricultural Supply Chain Management on Business Performance: A Case Study in Vietnam, *AgBioForum*, 21(3): 23-34 (Scopus/Q3).

(3) **Thi Thu Cuc Nguyen***, My Hanh Ho (2021), Evaluation of Accounting Information Quality of Small and Medium-Sized Enterprises: An Empirical Study in Vietnam, *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(7), pp. 161-167, DOI:10.13106/jafeb.2021.vol8.no7.0161 (ESCI (ISI)).

(4) **Thi Thu Cuc Nguyen**, Quang Bach Tran*, Dieu Anh Ho, Duc Anh Duong and Thi Bich Thuy Nguyen (2021), The effect of supply chain linkages on the business performance: Evidence from Vietnam, *Uncertain Supply Chain Management*, 9(3), pp. 529-538, DOI: 10.5267/j.uscm.2021.6.009 (Scopus/Q2).

(5) Van Hau Nguyen, **Thi Thu Cuc Nguyen***, Van Thu Nguyen, Duc Tai Do, Internal Factors Affecting Firm Performance: A Case Study in Vietnam, *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(5), pp. 303-314, DOI: 10.13106/jafeb.2021.vol8.no5.0303 (ESCI (ISI)).

(6) **Thi Thu Cuc Nguyen***, The Impact of Brand Equity on Conversion Behavior in the Use of Personal Banking Services: Case Study of Commercial Banks in

Vietnam, *Journal of Risk and Financial Management*, 14(8), 346, <https://doi.org/10.3390/jrfm14080346> (ESCI (ISI)).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Kế toán theo tiếp cận CDIO (2016).	Tham gia	Hợp đồng số 01/2016/KHCNTĐ ngày 16/6/2016	Trường Đại học Vinh	QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, áp dụng đào tạo từ K58.	
2	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Tài chính ngân hàng theo tiếp cận CDIO (2016).	Tham gia	Hợp đồng số 02/2016/KHCNTĐ ngày 16/6/2016	Trường Đại học Vinh	QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, áp dụng đào tạo từ K58.	
3	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Quản trị kinh doanh theo	Tham gia	Hợp đồng số 03/2016/KHCNTĐ ngày 16/6/2016	Trường Đại học Vinh	QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học	

	tiếp cận CDIO (2016).				Vinh, áp dụng đào tạo từ K58.	
4	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư) theo tiếp cận CDIO (2016).	Tham gia	Hợp đồng số 04/2016/KHCNTĐ ngày 16/6/2016	Trưởng Đại học Vinh	QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, áp dụng đào tạo từ K58.	
5	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức “Kiến thức tài chính – Tiền tệ” theo tiếp cận CDIO.	Chủ trì	T2018-69TĐ/Đề tài KHCN trọng điểm cấp trường/ Trường Đại học Vinh ngày 16/4/2018	Trưởng Đại học Vinh	Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH ngày 18/07/2019; Áp dụng đào tạo từ K58 năm học 2018-2019.	
6	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Sau Đại học ngành ngành Kinh tế chính trị bậc thạc sỹ.	Tham gia	Quyết định số 5329/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2012	Trưởng Đại học Vinh	Quyết định số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21/9/2017 ban hành Khung CTĐT các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sỹ; Áp dụng đào tạo từ khóa 21 (2013-2015).	
7	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Sau Đại học ngành Quản lý kinh tế bậc thạc sỹ.	Tham gia	Quyết định số 5301/QĐ-BGDĐT ngày 08/11/2016	Trưởng Đại học Vinh	Quyết định số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21/9/2017 ban hành Khung CTĐT các chuyên	

					ngành đào tạo trình độ thạc sỹ; Áp dụng đào tạo từ khóa 25 (2017-2019).	
8	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Sau Đại học chuyên ngành Quản lý kinh tế bậc Tiến sĩ.	Tham gia	Quyết định số 4399/QĐ-BGDĐT ngày 17/10/2017	Trường Đại học Vinh	Áp dụng đào tạo từ khóa (2018-2021).	
9	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Sau Đại học ngành Quản trị kinh doanh bậc thạc sỹ (2019-2020).	Tham gia	Quyết định số 2476/QĐ-ĐHV ngày 18/9/2019	Trường Đại học Vinh	Áp dụng đào tạo từ khóa 28 (2020-2022).	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế: Không.

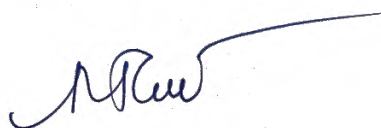
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Vinh, ngày 15 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc